TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ BA ĐỒN** **TỈNH QUẢNG BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 11/2022/QĐST-HNGĐ	*Ba Đồn, ngày 04 tháng 4 năm 2022*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC BÊN THAM GIA HÒA GIẢI TẠI TÒA ÁN

Căn cứ các điều 32, 33, 34 và 35 của Luật hòa giải, đối thoại tại Tòa án;

Căn cứ Điều 55, 57, 58 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của người người yêu cầu: chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1987; nơi cư trú: thôn M, xã Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình và anh Nguyễn Văn Tr, sinh năm 1988; nơi cư trú: thôn M, xã Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình.

Sau khi nghiên cứu:

- Đơn khởi kiện đề ngày 08 tháng 02 năm 2022, về việc yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị H.

- Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải ngày 18 tháng 03 năm 2022 về thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các bên tham gia hòa giải sau đây:

+ Người khởi kiện: chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1987; nơi cư trú: thôn M, xã Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình.

+ Người bị kiện: anh Nguyễn Văn Tr, sinh năm 1988; nơi cư trú: thôn M, xã Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình.

- Các tài liệu kèm theo Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải do Hòa giải viên chuyển sang Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Việc thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các bên tham gia hòa giải được ghi trong Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải ngày 18 tháng 3 năm 2022 có đủ các điều kiện quy định tại Điều 33 của Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các bên tham gia hòa giải được ghi trong Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải ngày 18 tháng 3 năm 2022, cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Văn Tr thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Anh, Chị có 02 con chung là Nguyễn Thị Anh Th, sinh ngày 13/4/2015 và Nguyễn Ngọc T, sinh ngày 22/12/2019; Anh, Chị thỏa thuận giao 02 con chung cho chị H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, anh Tr có nghĩa vụ

cấp dưỡng nuôi con với số tiền 2.000.000 đồng/tháng/02 cháu (mỗi cháu 1.000.000 đồng/tháng) cho đến khi các cháu Th và T lần lượt tròn 18 tuổi.

Sau khi ly hôn, anh Tr có quyền qua lại thăm con; chị H và các thành viên trong gia đình không được cản trở anh Tr trong việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung.

Vì lợi ích của con, khi cần thiết Anh, Chị có thể xin thay đổi việc nuôi con hoặc góp phần phí tổn nuôi con sau này.

Nếu anh Tr lạm dụng việc thăm nom con chung để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì chị H có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của anh Tr.

- Về tài sản chung, nợ chung: Anh, Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về các vấn đề khác: Không có.

2. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và được thi hành theo quy định của pháp luật về thi hành án dân sự.

3. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các bên tham gia hòa giải;
- VKSND thị xã Ba Đồn;
- Chi cục THADS thị xã Ba Đồn;
- UBND xã Quảng Minh (GCNKH số 37/2010, ngày 11/5/2010);
- Lưu TA.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Phan Anh Đức